TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2021
V/*v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hoa Nga**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Minh Huệ**

Ông **Nguyễn Bá Bảy**

***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Mai Thị Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 297/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm: 1976, địa chỉ thường trú: Thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)
Chỗ ở hiện nay: Khu phố 4 phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Anh Ngô Văn N, sinh năm:1977, địa chỉ: Thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn trình bày:

Chị L và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn võ xu, huyện đức L, tỉnh Bình Thuận ngày 30/11/2004. Sau khi kết hôn khoảng 3 năm thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, do không cùng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã. Anh N bảo thủ, không tôn trọng ý kiến của vợ, thường nhậu say và kiếm cớ gây sự trong gia đình. Từ tháng 6/2020 đến nay vợ chồng ly thân không quan tâm đến nhau.

Nhận thấy không còn tình cảm với anh N nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung: Ngô Trần Gia Uy, sinh ngày 10/7//2005 (giới tính nữ), Ngô Trần Gia Anh, sinh ngày 29/6/2007 (giới tính nam), sau khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ/ 02 con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Ngô Văn N: Anh N thừa nhận thời gian kết hôn, con chung như chị Trần Thị L đã khai. Theo anh N mâu thuẫn vợ chồng có nhiều và hay xảy ra cãi vã lặt vặt nhưng không đến mức to lớn, anh còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn. Anh chị mới sống riêng từ tháng 9/2020 đến nay, anh mong có thời gian để tìm cách hàn gắn hạnh phúc. Về con chung, hiện anh đang trực tiếp nuôi Ngô Trần Gia Uy, còn chị L đang trực tiếp nuôi Ngô Trần Gia Anh. Theo anh N, mỗi người nuôi một con thì không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Tại phiên tòa:

Chị Trần Thị L giữ N yêu cầu khởi kiện ly hôn, về con chung chị xin trực tiếp nuôi Ngô Trần Gia Anh, đồng ý giao Ngô Trần Gia Uy cho anh N nuôi dưỡng.

Bị đơn anh Ngô Văn N có đơn xin vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyên đơn. Giao cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung Ngô Trần Gia Anh, giao cho anh Ngô Văn N trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung Ngô Trần Gia Uy, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai, hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết, án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày và nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt hợp lệ. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Ngô Văn N là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm. Anh N đã bỏ về đức L sinh sống hơn nửa năm nay, qua hòa giải chị L kiên quyết xin ly hôn anh N. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung, khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con Ngô Trần Gia Anh và đồng ý giao 01 người con Ngô Trần Gia Uy cho anh N trực tiếp nuôi. Hiện nay chị L và anh N cùng có khả năng để nuôi dưỡng con, việc giao cho mỗi người nuôi 01 con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, điều 228; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 53, 54, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị L ly hôn anh Ngô Văn N

2. Về con chung: Giao Ngô Trần Gia A, sinh ngày 29/6/2007 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng

Giao Ngô Trần Gia U, sinh ngày 10/7//2005 cho anh Ngô Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị L và anh Ngô Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001438 ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/01/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND TT Võ Xu, Đức L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hoa Nga